

# THỊ TRƯỜNG CHÈ

- ▶ *Xuất khẩu chè của Xri Lan-ca và Trung Quốc năm 2019 tăng.*
- ▶ *Thị phần chè Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Ma-rốc giảm.*
- ▶ *Xuất khẩu chè tính từ đầu năm đến ngày 15/02/2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019.*

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Xri Lan-ca: Theo Hiệp hội xuất khẩu chè Xri Lan-ca, trong tháng 01/2020 sản lượng chè của nước này đạt 21,9 nghìn tấn, giảm 5,6% so với tháng 01/2019. Trong đó, sản lượng chè CTC đạt 2,08 nghìn tấn, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Về xuất khẩu: Tháng 01/2020, xuất khẩu chè của Xri Lan-ca đạt 22,09 nghìn tấn, trị giá 18,09 tỷ Rs (tương đương 99,72 triệu USD), giảm 6,7% về lượng và giảm 10,3% về trị giá so với tháng 01/2019. Giá xuất khẩu chè bình quân trong tháng 01/2020 đạt 818,86 Rs/kg-FOB (tương đương 4,51 USD/kg, FOB), giảm 3,9% so với cùng kỳ năm 2019.

Tháng 01/2020, Xri Lan-ca xuất khẩu chè nhiều nhất sang thị trường I-rắc, tiếp theo là Nga và Thổ Nhĩ Kỳ; Các thị trường xuất khẩu chè lớn tiếp theo của Xri lan-ca gồm: I-ran, A-déc-bai-gian, Trung Quốc và Ả rập Xê Út. Xuất khẩu chè của Xri Lan-ca sang thị trường Li-bi và Xi-ri trong tháng 01/2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019.

*Ghi chú: 1 USD = 181,4 Rs.*

Trung Quốc: Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, năm 2019 xuất khẩu chè của Trung Quốc đạt 366,5 nghìn tấn, trị giá 2 tỷ USD, tăng 9,6% về lượng và tăng 24,1% về trị giá so với năm 2018.



Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng chè của Trung Quốc trong năm 2019 đạt 5,5 USD/kg, tăng 13,2% so với năm 2018.

Về thị trường xuất khẩu: Trung Quốc xuất khẩu chè nhiều nhất tới thị trường Ma-rốc, trong năm 2019 đạt 74,2 nghìn tấn, trị giá 225,3 triệu USD, tăng 3,6% về lượng và tăng 3,0% về trị giá; Giá chè xuất khẩu sang thị trường Ma-rốc đạt 3 USD/kg, giảm 0,6% so với năm 2018. Lượng chè xuất khẩu sang thị trường này chiếm 20,3% tổng lượng chè xuất khẩu, giảm 1,2% so với năm 2018.

Đáng chú ý, xuất khẩu chè sang thị trường Hồng Kông năm 2019 tăng mạnh, đạt 17,4 nghìn tấn, trị giá 506,1 triệu USD, tăng 33,7% về lượng và tăng 77,9% về trị giá so với năm 2018. Giá xuất khẩu chè sang Hồng Kông ở mức cao, đạt 29 USD/kg, tăng 33% so với năm 2018.

## 10 thị trường xuất khẩu chè lớn nhất của Trung Quốc trong năm 2019

Thị trường	Năm 2019			So với năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/kg)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Năm 2019	Năm 2018
Tổng	366.552	2.013.276	5,5	9,6	24,1	13,2	100,0	100,0
Ma-rốc	74.284	225.323	3,0	3,6	3,0	-0,6	20,3	21,4
U-zơ-bê-ki-xtan	20.488	36.163	1,8	-7,9	-14,1	-6,6	5,6	6,7
Hồng Kông	17.444	506.173	29,0	33,7	77,9	33,0	4,8	3,9
Ga-na	16.462	71.788	4,4	26,4	27,4	0,7	4,5	3,9
Xê-nê-gan	15.131	60.952	4,0	-6,8	-9,0	-2,4	4,1	4,9
Tô-gô	15.073	65.650	4,4	17,0	15,8	-1,0	4,1	3,9
An-giê-ri	15.011	50.198	3,3	12,6	9,3	-3,0	4,1	4,0
Hoa Kỳ	14.732	70.054	4,8	4,6	-14,3	-18,1	4,0	4,2
Mô-ri-ta-ni	14.517	63.612	4,4	13,1	16,1	2,7	4,0	3,8
Nga	13.932	44.594	3,2	0,8	17,8	16,9	3,8	4,1
Thị trường khác	149.479	818.769	5,5	13,9	20,9	6,2	40,8	39,2

*Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc*

*Ghi chú: (Mặt hàng chè mã HS 0902, 0903)*

Về mặt hàng xuất khẩu: Trong cơ cấu mặt hàng chè thì chè xanh là mặt hàng Trung Quốc xuất khẩu nhiều nhất trong năm 2019, đạt 310,4 nghìn tấn, trị giá 1,37 tỷ USD, tăng 9,3% về lượng và tăng 17,3% về trị giá so với năm 2018. Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng chè xanh đạt 4,4 USD/kg, tăng 7,3% so với năm 2018. Mặt hàng chè xanh Trung Quốc xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường như: Ma-rốc, U-zơ-bê-ki-xtan, Ga-na, Xê-nê-gan...

Tiếp theo là mặt hàng chè đen xuất khẩu trong năm 2019 đạt 56,1 nghìn tấn, trị giá

633,9 triệu USD, tăng 11,4% về lượng và tăng 41,9% về trị giá so với năm 2018. Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng chè đen của Trung Quốc tăng rất mạnh trong năm 2019 đạt 11,3 USD/kg, tăng 27,3% so với năm 2018. Trung Quốc xuất khẩu chè đen nhiều nhất tới thị trường Hồng Kông, Nhật Bản và Hoa Kỳ, lượng chè đen xuất khẩu tới ba thị trường này chiếm tới 46,5% tổng lượng chè xuất khẩu.

Đáng chú ý, lượng và trị giá chè đen Trung Quốc xuất khẩu sang thị trường Việt

Nam chưa cao, nhưng giá xuất khẩu bình quân mặt hàng chè đen sang Việt Nam đạt 33 USD/kg, tăng 26,8% so với năm 2018.

### Thị trường xuất khẩu chè đen và chè xanh của Trung Quốc trong năm 2019

Mặt hàng (Thị trường)	Năm 2019			So với năm 2018 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/ kg)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Năm 2019	Năm 2018
<b>Chè xanh</b>	<b>310.428</b>	<b>1.379.370</b>	<b>4,4</b>	<b>9,3</b>	<b>17,3</b>	<b>7,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ma-rốc	74.273	225.241	3,0	3,6	3,0	-0,6	23,9	25,2
U - z o - b ê - k i - xtan	20.314	35.753	1,8	-7,7	-14,4	-7,3	6,5	7,7
Ga-na	16.454	71.432	4,3	26,4	26,7	0,3	5,3	4,6
Xê-nê-gan	15.131	60.952	4,0	-6,8	-9,0	-2,4	4,9	5,7
Tô-gô	15.073	65.650	4,4	17,0	15,8	-1,0	4,9	4,5
An-giê-ri	14.996	50.129	3,3	12,6	9,2	-3,0	4,8	4,7
Mô-ri-ta-ni	14.517	63.612	4,4	13,1	16,1	2,7	4,7	4,5
Bê-nanh	10.459	17.786	1,7	30,2	16,4	-10,6	3,4	2,8
Ca-mơ-run	10.390	12.113	1,2	23,9	51,5	22,3	3,3	3,0
Nga	9.963	25.635	2,6	-3,7	-6,4	-2,8	3,2	3,6
Thị trường khác	108.859	751.068	6,9	14,2	28,6	12,6	35,1	33,6
<b>Chè đen</b>	<b>56.124</b>	<b>633.905</b>	<b>11,3</b>	<b>11,4</b>	<b>41,9</b>	<b>27,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Hồng Kông	9.601	266.716	27,8	23,0	79,8	46,2	17,1	15,5
Nhật Bản	8.516	33.643	4,0	-1,0	-3,9	-3,0	15,2	17,1
Hoa Kỳ	7.955	26.163	3,3	1,5	-31,3	-32,3	14,2	15,6
Nga	3.969	18.959	4,8	14,1	81,0	58,6	7,1	6,9
Pa-ki-xtan	3.772	2.759	0,7	15,9	20,8	4,3	6,7	6,5
Thái Lan	3.429	31.582	9,2	18,8	97,7	66,4	6,1	5,7
Đức	2.981	11.893	4,0	6,4	7,5	1,0	5,3	5,6
Mi-an-ma	2.760	39.909	14,5	39,9	55,7	11,4	4,9	3,9
Việt Nam	2.621	86.570	33,0	-0,8	25,8	26,8	4,7	5,2
Ma-lai-xi-a	2.452	58.076	23,7	61,5	72,0	6,5	4,4	3,0
Thị trường khác	8.068	57.634	7,1	6,7	0,5	-5,7	14,4	15,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

Ghi chú: Mặt hàng chè xanh (mã HS 090210, 090220); chè xanh (mã HS 090230, 090240).

## TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CHÈ CỦA VIỆT NAM

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu chè của Việt Nam từ ngày 01/02/2020 đến ngày 15/02/2020 đạt 4,9 nghìn tấn, trị giá 7,2 triệu USD, tăng 202,3% về lượng và tăng 173,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; Giá xuất khẩu chè bình quân đạt 1.466,4 USD/tấn, giảm 9,7% so với cùng kỳ năm 2019.

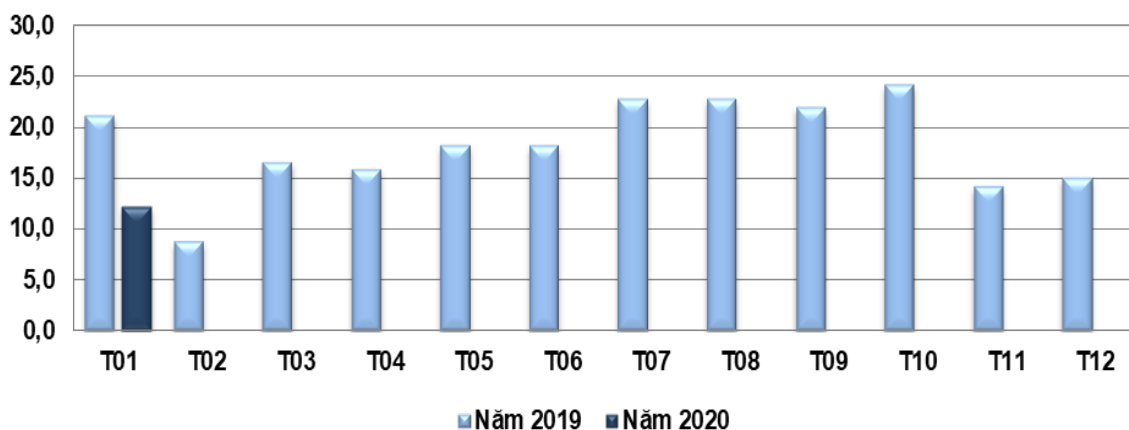
Lũy kế từ đầu năm đến ngày 15/02/2020 xuất khẩu chè đạt 12,79 nghìn tấn, trị giá 19,3 triệu USD, giảm 6,1% về lượng và giảm

18,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng chè đạt 1.514,3 USD/tấn, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Tháng 01/2020, xuất khẩu chè của Việt Nam đạt 7,89 nghìn tấn, trị giá 12,2 triệu USD, giảm 34,1% về lượng và giảm 42,4% về trị giá so với tháng 01/2019. Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng chè trong tháng 01/2020 đạt 1.546,6 USD/tấn, giảm 12,4% so với tháng 01/2019.

### Xuất khẩu chè của Việt Nam theo tháng giai đoạn 2019 - 2020

(ĐVT: Triệu USD)



*Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan*

Do ảnh hưởng từ kỳ nghỉ lễ tết Nguyên Đán của Việt Nam vào tuần cuối tháng 01/2020 nên hoạt động xuất khẩu chè bị gián đoạn. Chính vì vậy, lượng và trị giá xuất khẩu chè sang các thị trường đều giảm mạnh trong tháng 01/2020.

Tháng 01/2020, xuất khẩu chè sang thị trường Pa-ki-xtan, Nga và In-đô-nê-xi-a chiếm 60,9% tổng lượng chè xuất khẩu.

Nhìn chung, xuất khẩu mặt hàng chè chưa bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch Covid-19

do tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc ở mức thấp. Trong khi đó, theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), xét về lượng Trung Quốc là thị trường xuất khẩu chè lớn thứ hai thế giới, chiếm 18% lượng xuất khẩu toàn cầu, xét về trị giá là thị trường xuất khẩu lớn nhất thế giới chiếm 22,9% tổng trị giá xuất khẩu toàn cầu. Như vậy, với tác động từ dịch COVID-19, sản xuất chè của Trung Quốc sẽ bị gián đoạn. Đây có thể là cơ hội cho các thị trường sản xuất chè trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Đáng chú ý, trong tháng 01/2020 xuất khẩu chè của Việt Nam sang thị trường Các Tiểu Vương quốc Ả rập Thống nhất đạt 309 tấn, trị giá 451 nghìn USD, tăng 1.088,5% về lượng và tăng 767,9% về trị giá so với tháng 01/2019.

### Xuất khẩu chè tới 10 thị trường chính trong tháng 01/2020

Thị trường	Tháng 01/2020			So với tháng 01/2019 (%)			Tỷ trọng theo lượng tháng 01 (%)	
	Lượng (Tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Năm 2020	Năm 2019
Tổng	7.892	12.206	1.546,6	-34,1	-42,3	-12,4	100,0	100,0
Pa-ki-xtan	3.008	5.526	1.837,1	-30,8	-33,7	-4,1	38,1	36,3
Nga	931	1.530	1.643,3	-42,1	-37,4	8,1	11,8	13,4
In-đô-nê-xi-a	872	798	915,2	-17,9	-20,2	-2,8	11,0	8,9
Đài Loan	603	892	1.478,9	-46,9	-49,4	-4,7	7,6	9,5
Hoa Kỳ	316	390	1.234,5	-32,9	-32,1	1,2	4,0	3,9
Các TVQ Ả rập Thống Nhất	309	451	1.460,6	1.088,5	767,9	-27,0	3,9	0,2
I-rắc	248	312	1.256,7	-61,6	-66,6	-12,9	3,1	5,4
Trung Quốc	236	270	1.143,2	-58,5	-89,8	-75,5	3,0	4,7
Ả Rập Xê út	155	381	2.458,5	-43,2	-43,2	0,0	2,0	2,3
U-crai-na	143	212	1.484,8	-5,3	-16,5	-11,8	1,8	1,3
Thị trường khác	1.071	1.444	1.347,9	-36,7	-42,1	-8,4	13,6	14,1

*Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan*

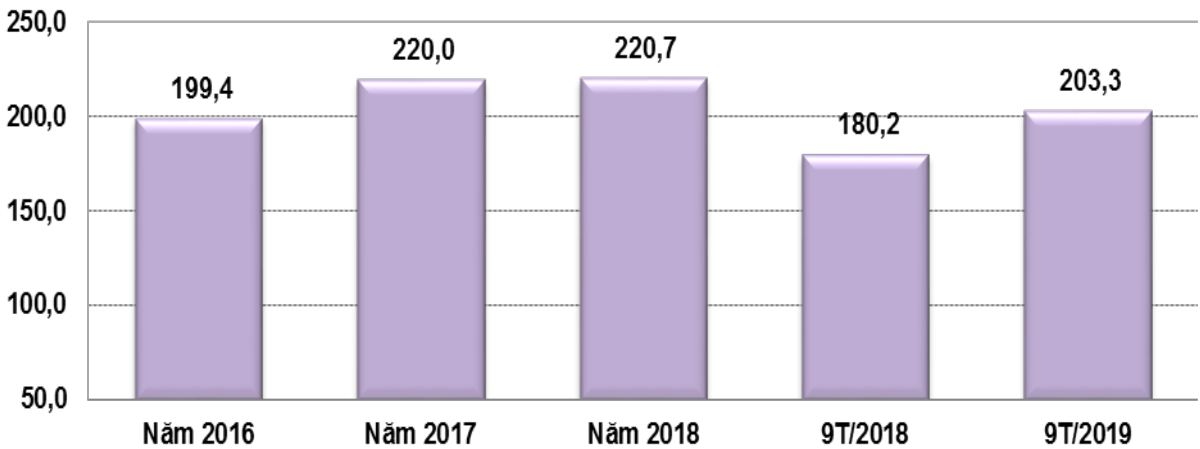
### DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÈ MA-RỐC VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), nhập khẩu chè của Ma-rốc đạt khoảng 220 nghìn tấn/năm và có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016 -2019. Trong 9 tháng năm 2019, nhập khẩu chè của Ma-rốc đạt 71,2 nghìn tấn, trị giá 203,2 triệu USD, tăng 17,7% về lượng và tăng 12,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018. Ma-rốc là nước nhập siêu với nhu cầu nhập khẩu hàng năm

xấp xỉ 40 tỷ USD, chè là một trong những mặt hàng nhập khẩu chính của Ma-rốc. Theo Hiệp hội các chuyên gia chè Ma-rốc, trung bình người tiêu dùng tại Ma-rốc mua hơn 2 kg chè mỗi năm vào năm 2018. Với dân số 36 triệu người, Ma-rốc là cửa ngõ vào phía bắc và phía tây châu Phi là thị trường tiêu thụ chè tiềm năng.

## Nhập khẩu chè của Ma-rốc giai đoạn 2016 - 2019

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: ITC

Về thị trường: Trung Quốc cung cấp tới 99,1% lượng chè nhập khẩu của Ma-rốc. Theo Hiệp hội ngành công nghiệp chè và cà phê Ma-rốc, nhập khẩu chè của Ma-rốc sang Trung Quốc đang bị gián đoạn do dịch COVID-19. Theo một số thương nhân kinh doanh chè Ma-rốc, nguồn hàng vẫn còn dự trữ đến hết tháng 3/2020. Như vậy, trong trường hợp dịch kéo dài, sản xuất chè của Trung Quốc bị gián đoạn sẽ là cơ hội lớn cho các thị trường cung cấp chè trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Việt Nam là thị trường cung cấp chè lớn thứ tư cho Ma-rốc, tuy nhiên tỷ trọng nhập khẩu chè từ Việt Nam chỉ chiếm 0,1% tổng lượng chè nhập khẩu của Ma-rốc.

Về chủng loại: 99,04% lượng chè nhập khẩu của Ma-rốc là chè xanh. Trung Quốc cung cấp 99,92% tổng lượng chè xanh nhập khẩu cho Ma-rốc.

Theo thương nhân nhập khẩu chè Ma-rốc, giống chè Việt Nam không khác với Trung Quốc nhưng cách thu hái, xao tẩm, chế biến chưa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng Ma-rốc.

Chè xanh của Việt Nam được đánh giá là được nước và được hương, nhưng hình thức chưa đáp ứng được yêu cầu. Chính vì vậy, lượng chè xanh Ma-rốc nhập khẩu từ Việt Nam vẫn còn rất thấp. Bên cạnh đó, giá nhập khẩu chè xanh từ Việt Nam vẫn còn ở mức cao. Giá chè xanh Ma-rốc nhập khẩu từ Trung Quốc bình quân ở mức 2.807,2 USD/tấn, trong khi giá nhập khẩu từ Việt Nam ở mức 12.500 USD/tấn. Ngoài vấn đề về giá, khó khăn cho các doanh nghiệp chè của Việt Nam là chi phí vận chuyển và thanh toán.

Để tận dụng cơ hội khai thác thị trường chè xanh Ma-rốc, các doanh nghiệp chè Việt Nam cần tìm hiểu kỹ nhu cầu tiêu thụ chè tại thị trường này, có thể mời các chuyên gia nhập khẩu chè xanh người Ma-rốc sang hướng dẫn kỹ thuật chế biến, thâm nhập thị trường xem mẫu mã, bao bì, giá cả, cải tiến công nghệ chế biến chè xanh để đáp ứng đúng nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng tại Ma-rốc. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cần thông qua Thương vụ của Việt Nam tại Ma-rốc để tìm hiểu kỹ các đối tác kinh doanh tại Ma-rốc và các hình thức thanh toán phù hợp.